

VỖ KỊCH TÒA ÁN LƯƠNG TÂM CỦA VŨ ĐÌNH LONG DƯỚI GÓC NHÌN THỂ LOẠI

NGUYỄN HƯƠNG NGỌC*

Đầu thế kỷ XX, bên cạnh các thể loại diễn xướng dân gian quen thuộc, trên sân khấu Việt Nam đã xuất hiện kịch nói với phương thức sáng tác ảnh hưởng của phương Tây. Vũ Đình Long được xem là nhà soạn kịch đầu tiên của nền kịch nói Việt Nam. Bài viết tập trung tìm hiểu sâu vở kịch Tòa án lương tâm của Vũ Đình Long trên phương diện thể loại để thấy được những đóng góp của ông trong những năm đầu của kịch nói Việt Nam, đồng thời chỉ ra điểm hạn chế mà nhà soạn kịch gặp phải. Những hạn chế này bị quy định bởi nhiều yếu tố khác nhau từ chủ quan người viết cho đến những vấn đề của xã hội, thời đại.

Từ khóa: Vũ Đình Long, kịch nói Việt Nam đầu thế kỷ XX, kịch nói, vở kịch Tòa án lương tâm

Nhận bài ngày: 20/02/2025; *đưa vào biên tập:* 25/02/2025; *phản biện:* 14/4/2025; *duyet đăng:* 19/5/2025

1. DẪN NHẬP

Văn học nghệ thuật là một trong những thành tố quan trọng của văn hóa. Sự chuyển biến của chúng gắn bó khá mật thiết với những thay đổi của đời sống xã hội. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, cùng với sự xâm lấn về quân sự, chính trị, thực dân Pháp dần dần thúc đẩy quá trình thâm nhập văn hóa phương Tây vào Việt Nam. Trước sự xuất hiện của văn hóa phương Tây, người Việt một mặt chống lại sự đồng hóa, cố gắng gìn giữ bản sắc dân tộc; mặt khác chủ động tiếp nhận ra những giá trị mới. Sự chuyển biến phức tạp này bắt đầu vào cuối thế kỷ XIX và rõ ràng hơn ở đầu thế kỷ XX, được đánh dấu bởi

những cuộc biểu tình, khởi nghĩa chống thực dân Pháp và sau đó là các phong trào kêu gọi ủng hộ những giá trị văn hóa mới du nhập, tạo những tiền đề thuận lợi cho công cuộc hiện đại hóa văn hóa. Thực tế cho thấy, các trí thức thanh niên tiên bộ chính là tầng lớp chủ chốt, có ảnh hưởng lớn tới sự chuyển biến của nền văn học nghệ thuật Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Trước thế kỷ XX, các hình thức diễn xướng truyền thống như tuồng, chèo... là những hình thức tồn tại quan trọng và tiêu biểu nhất trong nghệ thuật sân khấu Việt Nam. Đầu thế kỷ XX, bên cạnh các thể loại diễn xướng dân gian quen thuộc, trên sân khấu Việt Nam xuất hiện kịch nói với phương thức sáng tác ảnh hưởng của phương Tây. Đây là kết quả tất yếu của sự giao lưu tiếp xúc giữa văn hóa

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

nghệ thuật phương Tây với văn hóa nghệ thuật Việt Nam. Bên cạnh đó, với sự thay đổi của các tầng lớp xã hội, đối tượng độc giả của văn học nghệ thuật thay đổi mạnh mẽ, các hình thức sân khấu truyền thống quen thuộc không còn đáp ứng đủ nhu cầu thưởng thức nghệ thuật ngày càng đa dạng của công chúng, đòi hỏi phải có một hình thức nghệ thuật mới. Kịch nói là một trong những hình thức nghệ thuật mới có thể đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ hiện đại của người thưởng thức lúc bấy giờ, mà trước tiên là công chúng thành thị.

Trong bối cảnh đương thời, Vũ Đình Long xuất hiện như một trong những nhà soạn kịch nói điển hình, khởi nguồn cho nền sân khấu kịch hiện đại Việt Nam. Tháng 9 năm 1921, tạp chí *Hữu Thanh* đã công bố vở kịch *Chén thuốc độc* của ông, sau đó ngày 22/11/1921, vở kịch này được công diễn lần đầu tiên trên sân khấu Nhà hát thành phố Hà Nội. Đây chính là sự kiện đánh dấu sự ra đời chính thức của kịch nói Việt Nam. Vở kịch *Chén thuốc độc* được tác giả xác định là “hài kịch” với ba hồi có nội dung hướng về bảo vệ luân lý xã hội, khá giống lối hài kịch La Chaussee thế kỷ XVIII ở Pháp. Sau vở kịch đầu tiên, Vũ Đình Long tiếp tục viết *Tòa án lương tâm* vào năm 1923. Tác giả định danh đây là một vở “bi kịch” bốn hồi với màu sắc vẫn thiên về bảo vệ luân lý, đạo đức của con người trong xã hội (Vũ Đình Long, 1923: 5).

Nghiên cứu tìm hiểu sâu về vở kịch *Tòa án lương tâm* của Vũ Đình Long trên phương diện thể loại để thấy được những đóng góp cũng như những hạn chế của một nhà soạn kịch nói Việt Nam đầu tiên.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Giới thiệu tóm lược vở kịch *Tòa án lương tâm* của Vũ Đình Long

Nếu như trước đây, kịch nói được biết đến qua các vở kịch của Pháp được các dịch giả sân khấu dịch từ các vở kịch của Corneille, Molière. Đối tượng khán giả thưởng thức lúc này phần lớn là người Pháp và một số ít tư sản, trí thức người Việt. Khi Vũ Đình Long xuất hiện với những kịch bản ‘đậm đà bản sắc Việt’, sân khấu kịch nói đã gần gũi hơn với công chúng Việt Nam. Với vở kịch *Chén thuốc độc* của ông, lần đầu tiên, một kịch bản được dựng theo lối viết của sân khấu kịch phương Tây viết bằng tiếng Việt về vấn đề xã hội Việt Nam và do chính người Việt Nam dàn dựng và biểu diễn cho công chúng đô thị Việt Nam đầu thế kỷ XX thưởng thức.

Là người mở đầu cho kịch nói Việt Nam, Vũ Đình Long hoàn toàn ý thức được việc sáng tác kịch không hề đơn giản. Chính ông đã phát biểu ngay trong *Lời nói đầu* của vở *Tòa án lương tâm*: “Soạn kịch theo lối này là một việc rất khó, khó nhất là ở kết cấu, kết cấu thế nào cho sen nọ sen kia liên tiếp nhau như thực mà hồi nào hồi ấy có vẻ hoạt động tự nhiên” (Vũ Đình Long, 1923: 3). Sự ý thức này thể hiện

trách nhiệm của người cầm bút. Khi bắt tay vào viết một thể loại mới mẻ ông đã nghiên cứu rất kỹ với tinh thần cầu thị để hiểu rõ và xác định ý thức sáng tác.

Tòa án lương tâm được tác giả tự xác định là bi kịch với bốn hồi một cảnh. Cô giáo Quý vì ham mê cờ bạc lại ngoại tình nên đã lập mưu cùng nhân tình giết chồng. Mọi chuyện tưởng chừng sẽ không bị phát giác khi cả hai người biết chuyện này là thầy Thông Ái và Bộc đều đã chết. Cô giáo Quý không nghĩ đến hậu quả của những điều sai trái mà cô đã làm. Và quả thực không có một tòa án pháp luật nào được thực hiện trong vở kịch này mà chính “tòa án lương tâm” đã tuyên án và xử phạt cô. Hai kẻ giết người cùng cô giáo Quý và nhân tình đã tự kết liễu cuộc đời như chấp nhận hình phạt trước tòa án lương tâm. Thông qua việc phản ánh sự tha hóa của con người và hậu quả phải gánh chịu sau sự tha hóa đó, tác giả đã khẳng định sức mạnh của ánh sáng lương tâm, không có tòa án nào cao hơn tòa án lương tâm. Vở kịch *Tòa án lương tâm* là một trong những sáng tác quan trọng, để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng công chúng của Vũ Đình Long.

Kịch Vũ Đình Long đã dám đi thẳng, nhìn nhận hiện thực đang tồn tại trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ bằng cái nhìn soi chiếu ở các góc độ khác nhau, có những xung đột lên đến đỉnh điểm. Ông không chỉ đi vào tả thực mà còn bộc lộ thái độ phê phán sâu sắc trước lối sống con người đang chạy theo lối

Âu hóa, ăn chơi hưởng lạc quên đi trách nhiệm của mình đối với gia đình và xã hội.

2.2. Vấn đề thể loại trong vở kịch *Tòa án lương tâm*

Sự ra đời của các loại hình nghệ thuật hiện đại Việt Nam gắn liền với thực tiễn giao thoa của hai nền văn hóa Pháp - Việt, hay nói rộng hơn là Đông - Tây. Các trí thức và nghệ sĩ Việt Nam lúc này bằng các con đường khác nhau đã góp phần xây dựng một nền nghệ thuật sân khấu mới phản ánh chân thực đời sống xã hội Việt Nam đương thời. Với sự ra đời của vở *Chén thuốc độc* và *Tòa án lương tâm*, Vũ Đình Long đã đánh dấu mốc quan trọng cho việc ra đời của thể loại kịch nói ở Việt Nam trong bối cảnh đó.

Về mặt thể loại, không thể không nói đến công lao mở ra những thể loại mới cho sân khấu Việt Nam của Vũ Đình Long theo hướng hiện đại hóa, hội nhập hóa. Đứng trước buổi giao thời, khi mọi thứ đang trong guồng “Âu hóa”, sự xâm lược của thực dân Pháp với công cuộc khai hóa thuộc địa về mặt văn hóa - xã hội và sự mở rộng thành thị đã ảnh hưởng không nhỏ tới diện mạo của văn học Việt Nam. Những vở kịch của ông đã mang đến một luồng gió mới mà vẫn giữ được tâm hồn dân tộc khi phản ánh hiện thực một cách sâu sắc và chân thực. *Tòa án lương tâm* là vở kịch thứ ba trong sự nghiệp của Vũ Đình Long nhưng là vở đầu tiên được tác giả xác định là “bi kịch”.

Theo Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2013: 18), bi kịch (tragédie) “phản ánh không phải bằng tự sự mà bằng hành động của nhân vật chính, mỗi xung đột không thể điều hòa được giữa cái thiện và cái ác, cái cao cả và cái thấp hèn... diễn ra trong một tình huống cực kỳ căng thẳng mà nhân vật thường chỉ thoát ra khỏi nó bằng cái chết bi thảm gây nên những suy tư và xúc động mạnh mẽ đối với công chúng” và “nhân loại tìm thấy ở các tác phẩm bi kịch những gì khủng khiếp mà cái ác có thể gieo rắc, áp đặt cho mình, do đó không thể bàng quan và chịu khuất phục trước sức mạnh tàn bạo của nó được. Kết thúc bi thảm của số phận nhân vật bi kịch thường có ý nghĩa thức tỉnh, dự báo về một cái gì đó tốt đẹp hơn sẽ nảy sinh trong cuộc sống và trong mỗi con người. Trong bi kịch, qua cái chết của nhân vật chính, người ta tìm thấy cái thiêng liêng vô giá của sự sống chân chính và cái bất tử của cộng đồng”. Nói cách khác, bi kịch là sự phản ánh cuộc xung đột gay gắt giữa nhân vật chính diện với hiện thực và thường có kết thúc *bi*. Bi kịch được xây dựng trên mỗi xung đột không thể điều hòa được giữa cái thiện và cái ác, cái cao cả và cái thấp hèn... diễn ra trong một tình huống căng thẳng mà nhân vật thường thoát ra khỏi nó bằng cái chết, từ đó tạo ra những suy tư và xúc động mạnh mẽ đối với công chúng.

Xét về hình thức bề ngoài, *Tòa án lương tâm* gần giống với bi kịch. Trong

bốn hồi, có đến ba hồi hiện diện cái chết, tội ác, xung đột, âm mưu, sự oan khuất, sự dằn vặt... Đây là một số dấu hiệu bề ngoài dễ xác định nhất của bi kịch. Những biểu hiện ấy thuộc về ý nghĩa bề mặt của yếu tố “bi”. Vở kịch được xây dựng khá căng thẳng với những âm mưu rồi lại dằn vặt day dứt không ngừng. Xuyên suốt vở kịch, có đến năm cái chết, đó là cái chết của thầy Ký Phú, thầy Thông Ái, thầy Bộc, rồi đến cô giáo Quý và Ả Quay. Những cái chết diễn ra không phải là kết quả của quy luật tự nhiên hay do nguyên nhân bất ngờ nào đó mà là thảm họa của một âm mưu ngoại tình như bản. Mỗi cái chết đều có thủ phạm và hung khí rõ ràng.

Vở kịch nhấn mạnh vấn đề luân lý truyền thống bị đe dọa trước những thói hư tật xấu của xã hội. Các xung đột trong tác phẩm được đẩy lên cao rất nhanh, các nhân vật chịu một lực “tấn công” tạo ra xung đột ngay từ đầu. Giá trị của các nhân vật có sự khác biệt rõ rệt: tuyến nhân vật theo đuổi lối sống hưởng lạc bao gồm cô giáo Quý, Ả Quay đối lập với tuyến nhân vật theo tinh thần khắc kỷ, đề cao phẩm hạnh mà điển hình là thầy Ký Phú. Nhân vật chính diện có khả năng thành nhân vật bi kịch nhưng lại trở thành nhân vật anh hùng khi thầy Ký Phú kiên quyết chiến đấu để bảo vệ một nguyên tắc xã hội. Nghĩa là lý tưởng của nhân vật anh hùng được đặt ra, tuy nhiên nhân vật anh hùng này dường như không có sự lầm lạc. Trong khi đó, nhân vật anh hùng trong

bi kịch Hy Lạp bắt buộc phải đối diện với các lầm lạc bi kịch. Lý tưởng của nhân vật anh hùng có thể được thực hiện hoặc không nhưng nó luôn là điều đúng đắn và không gây họa cho ai. Nói cách khác, nhân vật anh hùng này trong *Tòa án lương tâm* mới chỉ dừng lại như một nhân vật chính kịch khi rơi vào tình huống bi thảm.

Nguyên tắc của một bi kịch, theo Aristote là phải có lầm lạc bi kịch, nhân vật phải vì một lý tưởng cao cả mà chọn phương thức hành động sai. Trong lịch sử kịch Việt Nam, cũng đã có những vở kịch đáp ứng cao nguyên tắc này, điển hình như vở bi kịch lịch sử *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng⁽¹⁾. Tuy nhiên, trong *Tòa án lương tâm* thì lầm lạc bi kịch chưa rõ nét. các nhân vật lầm lạc điển hình là cô giáo Quí và Ả Quay lại không xuất phát từ hoài bão cao cả nào. Sự tha hóa của họ diễn ra do sự biến chất về đạo đức. Hành vi sai trái của họ xuất hiện từ những khao khát dục vọng thấp hèn. Họ giết người là để thỏa mãn những ham muốn cá nhân mà không tạo ra bất kỳ một giá trị có ích nào dù chỉ là về mặt lý thuyết, tư duy, càng không đem đến giá trị “thanh lọc”⁽²⁾ với công chúng.

Thêm nữa, nhân vật bi kịch phải là người phi thường thể hiện ở năng lực, phẩm chất, hoài bão, ý chí. Nguyên tắc này cũng được phác họa rõ nét qua *Vũ Như Tô* trong vở kịch cùng tên của Nguyễn Huy Tưởng, nhân vật của một vở bi kịch luôn chủ động đối đầu với số phận, không phó mặc hay giao

cho một người khác⁽³⁾. Trong khi đó, các nhân vật của *Tòa án lương tâm* chưa bộc lộ được sự phi thường đến mức độ cao như thế, cái chết của các nhân vật xảy ra là do sự xô đẩy của hoàn cảnh. Một số nhân vật bị giết một cách bất ngờ như Ký Phú hoặc không thụ động nhưng cũng không thể chống trả lại được như thầy Thông Ái và thằng Bộc. Còn hai nhân vật phản diện là cô giáo Quí và Ả Quay chết vì tự tử nhưng nguyên nhân họ tự tử là vì sợ sự trả thù của những vong hồn đã bị hãm hại. Những nỗi lo lắng ấy đến từ việc họ nhìn thấy những con quỷ từ địa ngục hiện về đe dọa họ. Nói cách khác, cái chết của hai kẻ sát nhân đến từ một mệnh lệnh bên ngoài không phải sự tự ý thức bên trong.

Một tác phẩm bi kịch cần có xung đột bi kịch. Thông thường, các xung đột này đến cuối phải mang đến sự thanh lọc (catharsis). Với *Tòa án lương tâm*, giá trị lớn nhất mà vở kịch đã đem đến chính là phê phán những thói hư, tật xấu của con người trước sự du nhập của văn hóa tư bản thể hiện qua nhân vật cô giáo Quí và Ả Quay. Sau những âm mưu, thủ đoạn, những cái chết, tác phẩm là một lời răn đe con người: cần phải giữ gia phong nề nếp, đừng có chạy theo những thói hư tật xấu. Những lầm lạc ấy có thể sẽ dẫn đến việc hủy hoại gia đình thậm chí hủy hoại chính bản thân mình. Ý nghĩa vở kịch có khuynh hướng giáo huấn rõ ràng hơn là thanh lọc theo như khái niệm gốc của Aristote. Chính

điều đó đã biến tác phẩm từ cái vỏ bi kịch thành chính kịch, một thể loại thường thấy trong kịch hiện đại Việt Nam sau này. Điều này là hoàn toàn dễ hiểu bởi bi kịch là một thể loại hoàn toàn mới đối với văn học nghệ thuật Việt Nam lúc bấy giờ. Những chuẩn mực của bi kịch cổ điển Hy Lạp cũng trải qua nhiều biến đổi xuyên suốt các thời đại khác nhau. Khi đến với Việt Nam, bi kịch đã có sự gặp gỡ với văn hóa ứng xử cũng như thói quen sáng tạo nghệ thuật của người Việt. Do đó mà trong kịch Việt Nam thế kỷ XX, sẽ có những đặc điểm cơ bản của bi kịch cổ điển được lưu giữ và có những phương diện sẽ được biến đổi để phù hợp với quan điểm và thị hiếu thẩm mỹ của người Việt.

Chính Vũ Đình Long (1923: 3) đã tâm sự trong *Lời nói đầu* của vở kịch này rằng: "... chúng tôi tự xét còn nhiều khuyết điểm"... Chúng tôi biết vậy mà cứ xuất bản là có ý kiến các bạn có lòng nhiệt thành với sự cải lương diễn kịch, việc thí nghiệm của chúng tôi, mong rằng trong các bạn độc giả sẽ có những bậc thiên tài ra công sản xuất được những bài kịch hoàn chỉnh vậy". Vũ Đình Long chính là một cây bút thực sự có trách nhiệm và có lương tâm với công việc sáng tác. Ông không lấy tư cách là người mở đầu để tự mãn và yêu cầu những người đi sau phải theo ông mà kêu gọi những ai có tài hãy cùng ông nỗ lực để bi kịch được hoàn chỉnh. Ông sẵn sàng học hỏi và mong sẽ có những cây bút viết xuất sắc hơn ông. Vũ

Đình Long đã gạt bỏ cái tôi của một nghệ sĩ lớn để suy nghĩ cho cục bộ nền sân khấu Việt Nam. Đó là điều mà không phải ai cũng có thể làm được mà chỉ có những nghệ sĩ chân chính với trái tim nhiệt thành với nghề và trách nhiệm với tác phẩm cũng như với nền văn học mới làm được vậy.

Việc kịch nói xuất hiện và tạo thành một hiện tượng mở đầu cho sự phát triển của kịch Việt Nam chính là một biểu hiện của sự hiện đại hóa văn học Việt Nam, hội nhập với văn học thế giới. Do những nguyên nhân, hoàn cảnh khác nhau mà sự chuyển đổi còn có thiếu sót, hạn chế, không được trôi chảy, suôn sẻ. Trên con đường phát triển của bất kỳ sự vật hiện tượng nào, chúng ta không thể chối bỏ được những gập ghềnh của nó. Nhưng dẫu sao, Vũ Đình Long đã khơi được một mạch nguồn mà vào thời điểm ấy chưa ai làm được.

3. THAY CHO LỜI KẾT

Trong sự nghiệp sáng tác kịch nói của mình Vũ Đình Long đã đi qua con đường chung hình thành nghệ thuật hiện đại Việt Nam, từ dịch thuật và Việt hóa đến mô phỏng, cuối cùng là sáng tạo. Với vị trí là người khai sơn phá thạch cho nền sân khấu Việt Nam hiện đại, Vũ Đình Long không thể không mắc phải những thiếu sót trong phương pháp sáng tác cũng như độ chín muồi trong tư duy và tiếp cận thể loại. Ông đã mở cánh cửa đầu tiên đến với sân khấu kịch bằng cách thể nghiệm ở những thể loại không hề dễ của kịch là bi kịch (*Tòa án lương tâm*)

và hài kịch (*Chén thuốc độc*). Một số thiếu sót trong phương pháp sáng tác so với mẫu mực bi kịch cổ điển thực chất là vấn đề chung khi tiếp xúc với các thể loại mới của văn học Việt Nam buổi giao thời đầu thế kỷ XX. Vở bi kịch của Vũ Đình Long gần với cách thể hiện của chính kịch và nó cũng tạo màu sắc riêng cho sáng tác này. Tác phẩm đã có những đóng góp quan trọng trong việc khám phá thể loại kịch

ở Việt Nam. Kịch của ông tạo được sự thỏa mãn trong nhu cầu thưởng thức và suy ngẫm cho đông đảo quần chúng nhân dân. Hậu thế biết ơn ông không chỉ vì sự bạo dạn đưa cái mới vào nền văn học nước nhà mà còn chính bởi sự chưa hoàn thiện ấy đã tạo đà cho kịch nói sau này có được những đỉnh cao như Nguyễn Huy Tưởng hay Lưu Quang Vũ. □

CHÚ THÍCH

- (1) Vũ Như Tô – người mơ ước xây được một tòa kiến trúc vĩ đại vì nghệ thuật, vì cái đẹp. Giấc mơ của Vũ Như Tô là cao đẹp nhưng để làm được điều đó thì ông đã đắc tội với nhân dân, gây ra bao nhiêu họa cho họ và vì thế đã tạo nên kẻ thù cho chính mình.
- (2) Catharsis (thanh lọc): khái niệm gốc được nhắc đến bởi Aristote trong *Poetics*: “Bi kịch là sự mô phỏng một hành động quan trọng và trọn vẹn có một qui mô nhất định, [sự mô phỏng đó nhờ vào ngôn ngữ - ngôn ngữ này trong mỗi phần có sự trau chuốt khác nhau; bằng hành động, chứ không phải bằng câu chuyện kể, bi kịch, qua cách (khêu gọi lên - N.D.) sự xót thương và sợ hãi, thực hiện sự *thanh lọc* các cảm xúc đó” (dẫn theo Lê Đăng Bằng, Thành Thế Thái Bình, Đỗ Xuân Hà, Thành Thế Yên Bái, 1998: 34).
- (3) Vũ Như Tô chính là một ví dụ điển hình cho nhân vật kiểu này. Đây là một con người có tài năng xuất chúng, có mơ ước là xây dựng được một công trình “bền như trăng sao”, “tranh tình xảo với hóa công”. Vũ Như Tô luôn chủ động đối đầu với số phận, có thể thấy điều này qua Vũ Như Tô khi đến giây phút cuối, ông không phó mặc để mọi người lôi đi mà hiên ngang nói: “Thôi thế là hết! Dẫn ta đến pháp trường” (Nguyễn Huy Tưởng, 2016: 98). Đáng lẽ ra Vũ Như Tô sẽ không phải chịu chết nếu nghe theo lời khuyên chạy trốn của Đan Thiềm nhưng ông đã quyết ở lại. Khi bị bủa vây, ông không thụ động để người ta bắt giết mà chủ động chọn cái chết cho mình.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Aristote. 1895. *Nghệ thuật thơ ca* (Lê Đăng Bằng, Thành Thế Thái Bình, Đỗ Xuân Hà, Thành Thế Yên Bái dịch, Đoàn Tử Huyền hiệu đính) - Lưu Hiệp. 1998. *Văn tâm điều long* (Phan Ngọc dịch và chú thích). Hà Nội: Nxb. Văn học.
2. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên). 2013. *Từ điển thuật ngữ văn học* (tái bản). Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
3. Vũ Đình Long. 1923. *Tòa án lương-tâm Truyện Cô giáo Quý*, Nghiêm-Hàm Ấn-Quán. Hà Nội.
5. Nguyễn Huy Tưởng. 2016. *Vũ Như Tô* (tái bản). Hà Nội: Nxb. Kim Đồng.